©2022 Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á
Số 6 (115), tháng 6-2022
http://vjias.vn/
ISSN: 0866-7314

Quan hệ văn hóa Việt Nam - Ấn Độ qua di sản văn hóa Chăm tại tỉnh Ninh Thuận

Bá Minh Truyền*
Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa Chăm tỉnh Ninh Thuận

Ngày nhận bài: 12/12/2021, ngày gửi phản biện: 31/03/2022, ngày duyệt đăng: 28/04/2022

Ninh Thuận là tỉnh có người Chăm sinh sống đông nhất trong cả nước. Di sản văn hóa Chăm từ đền tháp, lễ hội, tín ngưỡng, tôn giáo, chữ viết và trang phục chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa Ấn Độ. Thông qua con đường di sản văn hóa Chăm, mối liên hệ văn hóa giữa Việt Nam với Ấn Độ được gắn kết liên tục trong lịch sử từ quá khứ, cho đến hiện tại và tương lai. Văn hóa Ấn Độ đi vào khu vực Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng bằng con đường thương mại, tôn giáo và hòa bình nên được tiếp nhận và phát triển, từ đó, tạo ra nhiều giá trị văn hóa đặc sắc ở Đông Nam Á.

Từ khóa: Di sản văn hóa, Đông Nam Á, người Chăm, Ninh Thuận, quan hệ văn hóa Việt Nam - Ấn Độ

Mở đầu

Ninh Thuận là tỉnh nằm ở cực Nam Trung Bộ, có diện tích tự nhiên 3.358 km^2, gồm 7 đơn vị hành chính: Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, huyện Ninh Phước, Ninh Hải, Ninh Sơn, Bác Ái, Thuận Bắc và Thuận Nam (Bá Minh Truyền, 2018, tr.437). Ninh Thuận xưa kia vốn thuộc tiểu quốc Panduranga của Vương quốc Champa, có nhiều tộc người bản địa sinh sống, ngày nay còn bảo lưu được nhiều giá trị văn hóa độc đáo. Theo kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, người Chăm ở Việt Nam có 178.948 người. Hiện nay, người Chăm Ninh Thuận sinh sống ở 22 palei (làng), theo đơn vị hành chính là 35 thôn. Trong đó, có 15 palei/làng Chăm Ahiér, 7 palei/làng Chăm Awal và Islam (An Nhơn, Phước Nhơn, Văn Lâm). Người Chăm Ahiér sinh hoạt tôn giáo ở trên các đền tháp Po Klaong Garay, đền tháp Po Ramé và đền thờ Po Ina Nagar. Ngoài 15 làng Chăm Ahiér, còn có Palei Baoh Hadeng thôn Phú Nhuận, xã Phước Thuận, huyện Ninh Phước có cả người Chăm Awal và Chăm Ahiér sinh sống trong một làng. Họ phân chia nhau bằng một tuyến đường cắt ngang qua nhằm thuận lợi trong các hoạt động sống và tránh những mâu thuẫn nảy sinh do sự khác biệt về tôn giáo.

Người Chăm sớm hình thành nhà nước. Từ thế kỷ thứ II sau CN, mô hình nhà nước Lâm Ấp của người Chăm đã định hình. Nền tảng của nhà nước Champa là yếu tố văn hóa bản địa kết nối với nền văn minh Ấn Độ. Do đó, các triều đại Champa lúc thịnh vượng đã xây dựng rất nhiều công trình kiến trúc, điêu khắc tôn giáo, hình thành nên Trung tâm Thánh địa Mỹ Sơn, Trung tâm Phật viện Đồng Dương (Quảng Nam), các đền tháp dọc khắp miền Trung và Tây Nguyên. Tiếp nhận và kế thừa chữ viết Sanskrit của Ấn Độ khắc trên

* truyenphanrang@gmail.com

bia đá, người Chăm đã sáng tạo ra loại chữ viết mới là Akhar Thrah ra đời vào thế kỷ XVII, thời vương triều Po Ramé. Hiện nay, người Chăm sử dụng chữ viết Akhar Thrah trong lĩnh vực hành chính, địa bạ, văn chương, thu thuế và ghi chép sử sách.

Người Chăm theo chế độ mẫu hệ, con gái có quyền đi cưới chồng. Người con gái út được quyền kế thừa tài sản do cha mẹ để lại và thực hiện các lễ cúng của dòng tộc. Phụ nữ Chăm, ngoài trách nhiệm với gia đình, chăm sóc con cái, họ còn có trách nhiệm chăm lo thực hiện những lễ nghi liên quan đến gia đình, tổ tiên (Sakaya, 2013, tr.163). Khi chết, người Chăm Ahiér làm lễ hỏa táng, do các chức sắc Po Basaih thực hiện. Ngày xưa, người Chăm đem thả tro cốt xuống sông, xuống biển. Ngày nay, sau khi hỏa táng, người Chăm lấy xương vùng trán cắt nhỏ bằng đồng xu bỏ vào hộp Klaong để làm lễ nhập Kut (nghĩa trang dòng tộc) theo nghĩa trang dòng mẹ.

Đơn vị quản lý xã hội của người Chăm là Palei. Mỗi Palei có một người đứng đầu gọi là Po Palei thực hiện vai trò đối nội và đối ngoại. Dưới Palei là các tộc họ có nghĩa vụ thực hiện các công việc hôn nhân, tang ma và giáo dục các thành viên trong tộc họ. Các tộc họ phân biệt nhau bằng tộc danh và nghĩa trang dòng mẹ (Kut và Gahul/Ghur). Những người trong cùng một tộc họ không được phép quan hệ hôn nhân với nhau.

1. Di sản văn hóa Chăm tại tỉnh Ninh Thuận

1.1. Di sản đền tháp Chăm

Ninh Thuận tuy là tỉnh nhỏ nhưng còn bảo tồn nhiều di sản văn hóa Chăm đặc sắc và đa dạng. Trong đó, có các đền tháp để thờ các vị thần Bàlamôn giáo của Ấn Độ và các vị nhân thần của người Chăm (bao gồm vua, hoàng hậu và anh hùng dân tộc sau khi chết được người Chăm nhân cách hóa đồng nhất với thần linh để thờ).

- *Di tích đền tháp Hòa Lai*: nằm ven Quốc lộ 1A thuộc xã Bắc Phong, huyện Thuận Bắc, là một trong những cụm di tích tháp Chăm cổ và đẹp nhất (đầu thế kỷ IX). Cụm di tích có 3 ngôi tháp nằm xếp dọc theo trục Bắc - Nam. Toàn bộ thân tháp là một khối lập phương khỏe nhô lên từ một phần bệ vuông và đỡ cả một hệ thống các tầng nhỏ dần. Trang trí hoa văn bên ngoài tháp chỉ giới hạn ở vòm cửa, các trụ ốp, và bộ diềm mái. Tháp Nam là ngôi tháp lớn nhất, tháp Trung tâm (tháp chính giữa) nhỏ hơn cả, chỉ còn phần thân và một bộ phận của tầng 1 còn giữ được nhiều chi tiết trang trí. Ngày nay, ngôi tháp ở chính giữa đã bị sụp đổ, chỉ còn lại đống gạch và nền móng. Tháp Bắc được trang trí họa tiết hoa lá, con voi, sư tử, mặt Kala và chim thần Garuda.

- *Di tích đền tháp Po Klaong Garay*: tọa lạc trên ngọn đồi Mbuen Hala (đồi lá Trầu). Hiện nay, cụm di tích tháp Po Klaong Garay còn tồn tại 3 ngôi tháp. Ngôi tháp ở phía Đông còn gọi là tháp Cổng, ngôi tháp ở phía Nam có hình dáng giống mái thuyền hay hình yên ngựa còn được gọi là tháp Lửa và một ngôi tháp Chính điện nằm ở phía Tây. Bên trong tháp có đặt Thang Sa làm bằng chất liệu gỗ, ở dưới Thang Sa có tượng thờ Mukhalinga Po Klaong Garay. Toàn bộ ngôi tháp chính chỉ có một lối ra vào duy nhất, còn lại là các cửa giả. Trên các trụ cột mi cửa của ngôi tháp Chính điện có văn khắc chữ Chăm. Ở phía Đông - Bắc của di tích còn có văn khắc chữ Chăm cổ trên tảng đá có dạng hình tam giác.

- *Di tích đền tháp Po Ramé*: tọa lạc trên ngọn đồi Mbuen Caow thuộc thôn Hậu Sanh, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước, cách thành phố Phan Rang - Tháp Chàm khoảng 20km về hướng Tây - Nam. Tháp được xây dựng vào khoảng thế kỷ XVII, sau hơn 300 năm không có một công trình kiến trúc đền tháp nào được

xây dựng. Vì vậy, tháp Po Ramé được coi là ngôi tháp cuối cùng của nền văn minh Champa. Tháp Po Ramé có cửa mở ra hướng Đông, bên trong đặt Thang Sa bằng chất liệu gỗ, ở dưới Thang Sa là bệ thờ Mukhalinga Po Ramé. Bên cạnh đó, còn có một pho tượng nữ thần là hoàng hậu người Êđê mang tên Po Bia Than Can. Ở bên ngoài tháp có một pho tượng hoàng hậu người Chăm mang tên Po Bia Than Cih nằm trong ngôi nhà nhỏ được dựng tạm. Ngoài ra, còn hai pho tượng sư tử đá nằm ở góc Tây - Nam đã bị mất. Vào năm 2010, khi trùng tu tháp có phát hiện một ngôi mộ của người Bini (Gahul/Ghur). Sau lưng tháp là hàng đá Kut có điêu khắc hoa văn.

- *Di tích đền thờ Po Ina Nagar*: được xây dựng ban đầu tại cánh đồng Hamu Ram thuộc thôn Mông Nhuận, sau đó chuyển về thờ phụng tại thôn Hữu Đức, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận, nằm giữa cánh đồng ở ngoài làng. Ngôi đền được xây cất lại kiên cố, sử dụng vật liệu gạch, xi măng như ngôi miếu của người Việt. Đền thờ ở phía Đông thờ nữ thần Po Bia Apakal, gian chính giữa dùng làm nơi chuẩn bị lễ vật, các đồ cúng tế, gian thờ phía Tây có đặt 1 hòn đá và 2 pho tượng nữ thần Po Bia Tâh và Po Bia Dara Nai Anaih. Các nữ thần được thờ tại ngôi đền là những người con của Po Ina Nagar. Ngoài ra, còn có một ngôi đền ở phía Nam để thực hiện nghi lễ tế thần lửa (Cuh yang apuei). Cách di tích đền thờ Po Ina Nagar khoảng 50m ở phía Bắc có văn khắc chữ Chăm cổ trên một tảng đá.

Những di tích trên là nơi người Chăm tổ chức các công lễ hằng năm như nghi lễ Yuer Yang (tổ chức định kỳ hằng năm vào tháng 4 Chăm lịch, khoảng tháng 7 dương lịch), Katê (diễn ra vào tháng 7 Chăm lịch, khoảng tháng 10 dương lịch), Ca-mbur (tổ chức vào tháng 9 Chăm lịch, khoảng tháng 12 dương lịch) và Peh Bi-mbeng Yang (tổ chức vào tháng 11 Chăm lịch) là lễ xin thần linh cho phép người dân khai mương đắp đập, chuẩn bị cho vụ mùa sản xuất mới, cầu mưa thuận gió hòa, con người khỏe mạnh, cây cối và vật nuôi sinh trưởng và phát triển. Các nghi lễ trên do các chức sắc Po Adhia, ông Kadhar, bà Pajau và ông Camanei đảm nhận vai trò dâng lễ vật cho thần linh và hướng dẫn người dân đến cúng lễ.

Những đền tháp của người Chăm ở Ninh Thuận có đặc điểm chung là cửa chính của ngôi tháp chính điện luôn luôn quay về hướng Đông. Chất liệu chủ yếu dùng để xây dựng đền tháp là gạch, đá, gỗ và hỗn hợp chất kết dính. Ngày nay, kỹ thuật xây dựng đền tháp của người Chăm đã bị thất truyền, kỹ thuật làm gạch, việc xếp các viên gạch liên kết bền chặt qua hàng trăm năm không bị hư hỏng vẫn còn là bí ẩn trong việc tìm hiểu kiến trúc, điêu khắc Chăm. Người Chăm ở Ninh Thuận còn bảo tồn được nghệ thuật làm gốm thủ công truyền thống. Nhưng các nghệ nhân gốm làng Bàu Trúc chỉ làm các sản phẩm phục vụ nhu cầu đời sống và tôn giáo. Họ không làm được các viên gạch dùng để xây dựng đền tháp như tổ tiên.

Các công trình đền tháp Chăm ở Ninh Thuận được xây dựng từ thế kỷ IX - XVII là minh chứng cho mối quan hệ văn hóa giữa Việt Nam với Ấn Độ đã sớm được hình thành, kế thừa và phát triển cho đến ngày nay. Ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ trong cộng đồng người Chăm rất sâu đậm từ các giá trị văn hóa vật chất, cho đến văn hóa tinh thần và tư tưởng. Cho nên, có thể nói, văn hóa Chăm là một Ấn Độ thu nhỏ - một Ấn Độ ở ngoài Ấn Độ.

1.2. Di sản lễ hội văn hóa

1.2.1. Lễ hội Yuer Yang

Lễ hội Yuer Yang được tổ chức định kỳ hằng năm vào chiều ngày Chủ nhật và sáng thứ Hai tháng 4 Chăm lịch (khoảng tháng 7 dương lịch). Mục đích của lễ Yuer Yang là tạ ơn thần mặt trời (Sử Văn Ngọc,

2010, tr.136). Ý kiến khác cho rằng, lễ Yuer Yang là cầu cho mưa xuống để có nước cày cấy, vì thế người Chăm thường giải thích Yuer Yang là lễ cầu đảo hay lễ thần nông (Ngô Văn Doanh, 2006, tr.149).

Trong thời gian 2 ngày hành lễ Yuer Yang, các chức sắc Ahiér như Po Adhia, Po Bac và Po Basaih sẽ tiến hành tẩy uế toàn bộ khu vực đền tháp (Balih Bamong). Đến khi tối, các chức sắc mang những bộ đại kinh ra đọc (Bac Agal Praong). Nội dung của bài kinh đọc trên đền tháp là những bài kinh cầu nguyện cho quốc thái dân an, muôn vàn sinh linh trên trần thế an khang thịnh vượng (Nguyễn Thị Thu và cộng sự, 2010, tr.205). Buổi sáng ngày hôm sau, các chức sắc ngồi lại với nhau cùng hành lễ tế thần lửa (Cuh Yang Apuei) ở tháp Lửa (ngôi tháp nằm ở phía Nam). Sau đó, bàn giao công việc dâng lễ vật lên thần linh (Thrua Yang) cho các chức sắc Kadhar, Pajau và Camânei.

1.2.2. Lễ hội Katê

Lễ hội Katê diễn ra vào tháng 7 Chăm lịch (khoảng tháng 10 dương lịch) với mục đích cầu xin thần linh ban cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, vật nuôi cây trồng sinh sôi phát triển (Sử Văn Ngọc, 2010, tr.136). Đây là lễ hội lớn nhất trong năm của người Chăm được tổ chức để tưởng nhớ các vị anh hùng dân tộc và ông bà tổ tiên (Phan Xuân Biên, 1992, tr.272).

Nét đặc biệt trong lễ hội Katê là có sự hiện diện của tộc người Raglai cùng đến phối hợp tổ chức, trình diễn nghệ thuật đánh Mả la (Paoh Char); không gian của lễ hội lan tỏa dần từ đền tháp đến làng và từng gia tộc. Katê là di sản văn hóa chung của dân tộc Chăm vùng Panduranga mà chủ nhân của lễ này chính là toàn bộ cư dân Chăm, trong đó có cả Chăm Ahiér (Chăm ảnh hưởng Bàlamôn giáo), Chăm Awal (Chăm ảnh hưởng Hồi giáo) và một số tộc người miền núi cao nguyên miền Trung Việt Nam (Sakaya, 2013, tr.258).

1.2.3. Lễ hội Ca-mbur

Lễ hội Ca-mbur được tổ chức vào tháng 9 Chăm lịch, khoảng tháng 12 dương lịch (Sử Văn Ngọc, 2010, tr.137), mục đích để tạ ơn thần mẹ Po Ina Nagar, thần đất đã phù hộ cho mùa màng được tốt (Phan Xuân Biên, 1992, tr.274). Về cơ bản, các bước hành lễ của lễ Ca-mbur cũng giống như lễ Katê nhưng quy mô tổ chức có phần nhỏ hơn. Sau khi lễ Ca-mbur ở các đền tháp tiến hành xong, ở các gia tộc tổ chức cúng gia tiên.

1.2.4. Lễ hội Peh Bi-mbeng Yang

Lễ hội Peh Bi-mbeng Yang tạm dịch là lễ mở cửa đền tháp, được tổ chức vào tháng 11 Chăm lịch, là lễ xin thần linh cho phép dân làng được khai kênh đắp đập, chuẩn bị cho vụ sản xuất mới. Ngoài ra, lễ còn có ý nghĩa cầu cho mưa thuận gió hòa, cây cối, mùa màng tươi tốt, sai hoa nặng quả. Trong khi làm lễ mở cửa đền tháp, ông Cai đập (Hamu Aia) nhảy múa, nhún nhảy với cây nỏ nường thể hiện cho quan hệ tính giao, nguồn gốc của sự sinh sôi nảy nở (Phan Xuân Biên, 1992, tr.271). Lễ Peh Bi-mbeng Yang là dịp để cho các tộc họ đang canh tác trên thiên điền (Hamu Canyraow) dâng hương hỏa (Brah sang brah kaje) cho thần linh và là để cho Ban tế tự các đền tháp phơi nắng những bộ lễ phục đã qua 3 lần sử dụng (Yuer Yang, Katê, Ca-mbur) không bị ẩm mốc (Nguyễn Thị Thu và cộng sự, 2010, tr.190-191).

Bốn lễ hội văn hóa kể trên đều có sự tham gia hành lễ của chức sắc Bàlamôn giáo đến dâng lễ vật. Các lễ hội ở trên đền tháp ảnh hưởng từ Ấn Độ thông qua việc tôn thờ vị thần Shiva. Nhưng, khi tiếp nhận, người Chăm đã bản địa hóa thành lễ hội nông nghiệp với việc cầu mong vụ mùa và thời tiết thuận lợi để sản xuất. Đặc biệt, trong lễ hội Yuer Yang có nghi lễ Cuh Yang Apuei (tế thần lửa). Chức sắc Po Adhia lấy hình tượng

con bò thần Nandin (lamaow Kapil), vật cưỡi của thần Shiva được chạm khắc bằng gỗ đựng trong Bargarac ra hành lễ.

Quá trình tiếp biến văn hóa Ấn Độ, người Chăm đã biến việc thờ phụng thần Shiva thành tín ngưỡng nông nghiệp thể hiện qua các lễ hội trên đền tháp. Những lần lên tháp làm lễ, người Chăm đều thực hiện nghi thức tắm tượng thần Shiva, tắm phù điêu Mukhalinga-yoni bằng nước thánh - minh chứng của biểu tượng thờ Shiva giáo của người Chăm.

1.3. Di sản chữ viết

Tiếng Phạn là thứ ngôn ngữ kinh viện khởi nguồn từ Ấn Độ, nơi mà ngữ pháp của nó được hình thành từ rất sớm, vào thế kỷ thứ V TCN. Từ đó trở đi, mặc dù hơi cứng nhắc nhưng đã có một chuẩn mực rõ ràng cho việc sử dụng tiếng Phạn. Bất cứ ai muốn sử dụng tiếng Phạn cũng phải học, bởi ngôn ngữ này không phải là tiếng mẹ đẻ của ai cả (Arlo Griffiths và cộng sự, 2012, tr.25). Trong 130 bia ký Chăm mà người Pháp đã thống kê, dịch thuật thì trên địa bàn Ninh Thuận có 15 bia ký. Các bia ký Chăm thường khắc trên bia đá, trụ đá của tháp, phiến đá và vách đá. Sau này, ở Ninh Thuận còn phát hiện thêm 3 bia ký Chăm khắc trên vách đá. Đó là: bia ký khắc chữ trên vách đá chùa Linh Sơn (phường Đô Vinh - Tháp Chàm), bia Cà Đú và bia Đầm Vua (huyện Ninh Hải) (Sakaya, 2013, tr.30). Những bia ký phát hiện tại Ninh Thuận có niên đại từ thế kỷ IX - XIV viết bằng chữ Sanskrit và chữ Chăm cổ như bia Hòa Lai, Phước Thiện, Hòn Đỏ, Yang Tikuh, Po Sah, Po Agha, Po Klaong Garay, Patau Blah... Từ sau thế kỷ XV, chữ viết Akhar Thrah xuất hiện và được người Chăm sử dụng cho đến ngày nay. Chữ viết Akhar Thrah lần đầu tiên được khắc trên mi cửa đền tháp Po Ramé.

1.4. Trang phục truyền thống

1.4.1. Trang phục chức sắc Bàlamôn

Chức sắc Bàlamôn giáo chia ra thành nhiều cấp bậc phẩm hàm và có thể phân biệt thông qua trang phục. Cấp phẩm hàm cao nhất là Po Adhia, kế đến là Po Bac (Po Tapah), Po Basaih Liah, Basaih Kuak và Basaih Ndung Akaok (mới nhập môn). Trang phục của chức sắc Bàlamôn gồm có khăn quấn đầu (Akhan mathem taibi), áo (Aw kuak), chăn (Akhan marang), dây thắt lưng (Talei ka-ing). Các chức sắc mặc sắc phục từ ngày nhập đạo cho đến cuối cuộc đời. Trang phục của chức sắc có màu trắng tinh, áo không kết nút và không may túi. Do đó, các chức sắc thường may thêm túi vải (Kadung) để đựng đồ dùng cá nhân. Đối với chức sắc từ phẩm hàm Po Bac và Po Adhia thì ở dưới gấu chăn có may thêm băng chỉ màu được dệt từ vải thổ cẩm.

1.4.2. Trang phục đàn ông

Đàn ông Chăm quấn khăn trên đầu như các chức sắc. Tuy nhiên, loại khăn quấn chỉ được dệt bằng sợi chỉ màu trắng, không có trang trí hoa văn, không sử dụng chỉ màu để làm đường viền. Khăn được quấn tròn trên đầu, hai băng tua chỉ trắng đặt ở hai bên tai. Loại áo người đàn ông mặc trong đời thường, đi tham gia lễ hội cộng đồng là áo màu trắng giống với kiểu áo bà ba. Áo có hai cái túi ở hai bên không xẻ tà, được kết nút như áo sơ mi. Cổ áo có hình dạng lá trầu hay còn gọi là cổ áo trái tim. Tay áo dài không may liên tục mà được may nối liền với nhau từ khuỷu tay đến cổ tay. Đối với người dân thường, họ sử dụng dây thắt lưng được may bằng vải trắng không trang trí hoa văn. Chăn mặc được dệt từ khung dệt khổ lớn, sợi chỉ màu trắng. Khi mặc, người đàn ông đưa chăn ra sau lưng, hai tay cầm hai đầu chăn điều chỉnh cho bằng nhau phù hợp với chiều cao của người mặc, một tay giữ chăn, một tay thu đầu chăn từ ngoài vào trong, rồi buộc hai đầu chăn lại với nhau tại vị trí rốn.

1.4.3. Trang phục phụ nữ

Khăn quấn của phụ nữ, tiếng Chăm gọi là Halang. Những người phụ nữ thường quấn khăn khi đi tham gia các lễ hội của cộng đồng. Khăn của phụ nữ dệt bằng chỉ màu trắng, hoa văn trang trí được may bằng những sợi chỉ màu ở phần viền, hai đầu khăn là các tua chỉ dài khoảng 20 - 30cm. Khi quấn khăn, cầm hai đầu khăn trên hai tay, để sau gáy điều chỉnh cho đều hai bên. Sau đó, một tay cầm một đầu khăn quấn từ phải sang trái theo vòng tròn, rồi quấn từ trái sang phải một vòng tạo thành hình chữ X ở phía trước, hai đầu khăn thả xuống ở phía sau lưng. Áo mặc của phụ nữ, tiếng Chăm gọi là Aw Kamei, Aw Dhai, nghĩa tiếng Việt là áo dài. Áo phụ nữ gồm có: cổ áo, tay áo và thân áo. Cổ áo có hình dạng trái tim, còn gọi là cổ áo hình lá trầu. Tay áo của phụ nữ Chăm đều dài. Tay áo được may liền với nhau không bị cắt, nối từ bả vai đến cổ tay. Thân áo được may dài qua đầu gối, bên hông may hai đường chỉ song song với nhau từ dưới nách trở xuống. Kiểu may này, tiếng Chăm gọi là Aw dua bhaong. Áo Chăm được mặc chui qua đầu để phần thân áo trùm lên váy.

Váy mặc của phụ nữ được dệt từ khung dệt vải khổ rộng, màu áo và màu váy thường là hai màu khác nhau. Phụ nữ Chăm thường mặc váy màu đen khi đi lao động. Áo và váy màu trắng, phụ nữ thường mặc vào những dịp lễ hội cộng đồng. Trang phục truyền thống của người Chăm có nhiều đặc điểm tương đồng với trang phục của các tín đồ Hindu giáo ở Ấn Độ. Tính chất đẳng cấp thể hiện rõ ràng qua cách ăn mặc giữa người chức sắc so với người bình thường.

2. Một số giải pháp trong công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Chăm tại Ninh Thuận nhằm gắn kết quan hệ văn hóa Việt Nam - Ấn Độ

Ninh Thuận là nơi còn bảo tồn nhiều di sản văn hóa Chăm. Hiện nay, có 3 đền tháp: tháp Po Ramé, tháp Po Klaong Garay và tháp Hòa Lai được giao cho Ban quản lý Di tích tỉnh Ninh Thuận (cơ quan trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du Lịch tỉnh Ninh Thuận) quản lý và khai thác. Tuy nhiên, chỉ có khu vực đền tháp Po Klaong Garay phát huy được các giá trị di tích thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế đến tham quan. Hai di tích đền tháp còn lại ít khách tham quan hơn. Thậm chí, đền tháp Hòa Lai phải đóng cửa thường xuyên mặc dù đền tháp nằm sát Quốc lộ 1A, rất thuận tiện cho việc khai thác, phát triển du lịch.

Ở các xã có đông người Chăm sinh sống Nhà nước xây dựng hệ thống các Nhà văn hóa Chăm. Tuy nhiên, các thiết chế văn hóa cơ sở không khai thác được các giá trị văn hóa Chăm để phổ biến. Do đó, hầu hết các cơ sở Nhà văn hóa Chăm bị chiếm dụng hoặc khai thác không đúng mục đích bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Chăm.

Đối với người Chăm, đền tháp là nơi cư ngụ của thần linh và là không gian thiêng để hành lễ. Đền tháp Po Klaong Garay, đền tháp Po Ramé là các trung tâm sinh hoạt tôn giáo lớn của người Chăm. Do đó, hằng năm họ đều lên tháp để dâng lễ vật và cúng cầu an. Để quản lý đền tháp, người Chăm phân công mỗi khu vực đền tháp giao cho các làng tự quản, tự mua sắm lễ vật cúng kính. Mỗi đền tháp có một Cả sư trụ trì (Po Adhia), một ông từ (Camanei) và bà bóng (Pajau) quản lý các công việc liên quan đến sinh hoạt tôn giáo. Cơ chế quản lý này đã hình thành từ xa xưa, được người Chăm công nhận và tôn trọng. Khi thế hệ cha ông mất đi thì quyền quản lý được trao lại cho con cháu trong gia đình, không trao quyền cho người ngoài. Lễ tục này, đã đi sâu vào tiềm thức trong cộng đồng Chăm. Do đó, không có hiện tượng tranh giành gây mất đoàn kết xảy ra. Họ làm việc một cách tự nguyện nhằm mục đích phụng sự thần linh.

Ngày nay, đền tháp của người Chăm được chính quyền địa phương giao cho Ban quản lý Di tích tỉnh Ninh Thuận quản lý. Do đó, vai trò của ông từ (Camanei) trông coi đền tháp không còn nữa. Việc mở cửa tháp và đóng cửa tháp rất tùy tiện, thích mở cửa lúc nào cũng được để phục vụ khách đến tham quan. Điều này trái với quy định riêng của người Chăm, vì đền tháp chỉ được mở cửa vào dịp nhất định để cúng kính.

Khai thác không gian đền tháp, chính quyền địa phương cho xây dựng nhiều công trình kiên cố làm phá vỡ không gian tâm linh của người Chăm. Mặc dù có tổ chức trưng bày và bán hàng lưu niệm cho khách tham quan, tuy nhiên, đồ lưu niệm bán cho khách du lịch chưa phải là các sản phẩm văn hóa nhằm mục đích quảng bá hình ảnh văn hóa Chăm ở Ninh Thuận. Từ những thực tế trên đặt ra vấn đề, di sản văn hóa tộc người thuộc về một cộng đồng người nhất định hay thuộc về chính quyền? Mâu thuẫn giữa cách thức tổ chức quản lý truyền thống của người Chăm với cách thức tổ chức của chính quyền giải quyết như thế nào?

Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Ninh Thuận gồm có: Bảo tàng tỉnh Ninh Thuận, Ban quản lý Di tích tỉnh Ninh Thuận, Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa Chăm tỉnh Ninh Thuận đều có chức năng và nhiệm vụ gần như nhau. Trong khi đó, những vấn đề liên quan đến di tích, đền tháp của người Chăm thì Ban quản lý Di tích trực tiếp quản lý và tổ chức bảo vệ. Còn những di tích khác, bia ký, hiện vật thuộc về văn hóa dân tộc thì Bảo tàng tỉnh tổ chức sưu tầm, bảo quản và trưng bày giới thiệu theo chuyên đề. Riêng các lễ hội văn hóa, các sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của người Chăm thì Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa Chăm tổ chức khảo sát, nghiên cứu. Chính vì thế, nguồn kinh phí để bảo tồn văn hóa Chăm phân chia ra nhiều cho các đơn vị sự nghiệp. Mặt khác, hiện nay, các đơn vị sự nghiệp chưa có sự phối hợp, liên kết với nhau trong công tác quản lý và khai thác di sản văn hóa Chăm để phát triển du lịch địa phương. Vì vậy, mỗi đơn vị đều có trưng bày, giới thiệu hiện vật văn hóa Chăm, gây lãng phí nguồn ngân sách của nhà nước trong việc đầu tư sưu tầm hiện vật, bảo quản hiện vật và trả lương cho nhân viên cùng thực hiện một chức năng, nhiệm vụ.

Công tác quản lý di sản văn hóa Chăm chưa chặt chẽ dẫn đến nhiều hiện vật văn hóa, pho tượng thờ bị kẻ trộm lấy cắp. Cụ thể: đền tháp Po Ramé ở thôn Hậu Sanh, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước bị mất trộm pho tượng Bia Than Cih (năm 1993), pho tượng Bia Than Can (năm 1994), bò thần Kapil (năm 2005); đền thờ Po Ina Nagar ở thôn Hữu Đức, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước bị kẻ trộm lấy đi pho tượng nữ thần Po Bia Apakal và Po Bia Tâh (năm 1997). Nhiều hiện vật văn hóa có giá trị bị mất trộm, việc mua bán cổ vật tràn lan, khó kiểm soát, dẫn đến nạn "chảy máu" cổ vật. Do đó, để công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Chăm ở Ninh Thuận mang lại hiệu quả, góp phần thúc đẩy mối liên kết giữa văn hóa Việt Nam với các nước trong khu vực Đông Nam Á chịu ảnh hưởng nền văn minh Ấn Độ, các cơ quan, ban ngành chức năng cần có giải pháp cụ thể:

Thứ nhất, cần tổ chức điều tra, thống kê, kiểm kê tổng thể di sản văn hóa Chăm tại Ninh Thuận. Từ đó, xác định rõ giá trị lịch sử và văn hóa của di sản, tiến hành lập hồ sơ di tích, di sản văn hóa cấp tỉnh và cấp quốc gia.

Thứ hai, đối với hệ thống di tích đền tháp còn thờ phụng, thực hành cúng lễ hằng năm, cần tôn trọng cách thức quản lý theo phong tục của người Chăm, Nhà nước đóng vai trò hướng dẫn, hỗ trợ các biện pháp bảo vệ để tạo sự hài hòa giữa tín ngưỡng với công tác quản lý hành chính nhà nước theo quy định của pháp luật.

Thứ ba, những bia ký đã được sưu tầm, bảo quản, cần tổ chức dịch thuật, đưa ra giới thiệu phục vụ tham quan và nghiên cứu khoa học. Những bia ký ở ngoài trời, cần có biện pháp lập hàng rào bảo vệ, đặt biển báo cấm xâm phạm.

Thứ tư, cần đào tạo, bồi dưỡng kiến thức bảo tồn di sản văn hóa cho các chuyên viên đang công tác tại đơn vị sự nghiệp của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Mở lớp dạy chữ Sanskrit và chữ Chăm cổ để hình thành đội ngũ chuyên gia về bia ký Champa tại Việt Nam.

Vì vậy, các cơ quan, ban ngành cần thấy được tầm quan trọng của di sản văn hóa Chăm tại Ninh Thuận như là cầu nối gắn kết mối quan hệ văn hóa giữa Việt Nam với Ấn Độ; làm mạch nối liền giữa văn hóa Ấn Độ với các quốc gia Đông Nam Á có nhiều nét tương đồng với văn hóa Chăm, từ đó, khai thác di sản văn hóa Ấn Độ ở khu vực Đông Nam Á để phát triển du lịch.

Kết luận

Sinh sống ở đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ, người Chăm sớm tiếp xúc, giao lưu với các nền văn minh lớn trên thế giới. Nhờ sự tiếp biến có chọn lọc, người Chăm đã kết tinh văn hóa Bàlamôn giáo, Phật giáo và Islam giáo để sáng tạo ra hệ giá trị văn hóa mới là Chăm Ahiér (Chăm Bàlamôn), Chăm Awal (Chăm Bini) và Chăm Islam. Công tác quản lý và khai thác di sản văn hóa có tác động rất lớn đến các giá trị văn hóa dân tộc trong thời kỳ hội nhập và phát triển. Việc tăng cường công tác quản lý, thống kê di sản văn hóa là rất cần thiết để có những đánh giá đúng đắn và khoa học về hiện trạng các di sản văn hóa Chăm. Từ đó, đưa ra các giải pháp phù hợp trong việc khai thác, trùng tu, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa Chăm theo quy định của pháp luật. Việt Nam là quốc gia đa dân tộc và đa văn hóa nhờ sự kết tinh từ các di sản văn hóa tộc người. Trong đó, văn hóa Chăm đóng góp nhiều di sản văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể tạo sự kết nối, mối liên hệ giữa văn hóa Việt Nam với Ấn Độ.

Tài liệu tham khảo

1. Arlo Griffiths, Amandine Lepoutre, William A. Southworth, Thành Phần (2012). *Văn khắc Champa tại Bảo tàng Điêu khắc Chăm Đà Nẵng*. Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Dốp (1992). *Văn hóa Chăm*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Ngô Văn Doanh (2006). *Lễ hội chuyển mùa của người Chăm*. Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Sử Văn Ngọc (2010). *Văn hóa làng truyền thống người Chăm tỉnh Ninh Thuận*. Nxb. Dân trí, Hà Nội.
5. Sakaya (2013). *Tiếp cận một số vấn đề văn hóa Champa*. Nxb. Tri thức, Hà Nội.
6. Nguyễn Thị Thu, Thập Liên Trưởng, Phạm Văn Thành (2010). *Lễ nghi nông nghiệp truyền thống tộc người Chăm-Raglai Ninh Thuận*. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
7. Bá Minh Truyền (2018). Văn hóa truyền thống của người Chăm ở Ninh Thuận tiềm năng cho phát triển du lịch bền vững. Trong Kỷ yếu Hội thảo Khoa học *Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam qua con đường du lịch*, Hà Nội, tr.437-447.